

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2025/DS-PT
Ngày 02-01-2025
V/v Tranh chấp lỗi đi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2024/TLPT-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp lỗi đi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 202/2024/DS-ST, ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2024/QĐ-PT, ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Hoài N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà A thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Hoàng Y, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông N và người liên quan bà Y: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953 và bà Trần Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Số A thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

* Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị L trình bày:**

Năm 1987, Gia đình ông S được Nông trường cà phê CD cấp cho một lô đất có diện tích 2.747m², đến năm 1999 gia đình ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình ông T, bà T1 thì nhận chuyển nhượng của 03 hộ là bà Đậu Thị L1, ông Nguyễn Hồng T2 và ông Nguyễn Thanh T3; giữa 03 lô đất nêu trên có một con đường dân sinh rộng 7m, dài khoảng 60m từ giáp đất gia đình ông S đến con đường bê tông đi

xuống suối. Sau khi vợ chồng ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng của ba hộ trên thì tự ý bít lối đi nêu trên và sử dụng từ khoảng năm 1996, do vợ chồng ông S làm nhà bên phải vườn, lại bận công tác nên không biết được sự việc trên, mặt khác con đường không nằm trong khuôn viên đất gia đình ông S. Năm 1999 thì Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho gia đình ông T, bà T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ 29, diện tích 6177 m². Việc nhập 03 thửa đất và sáp nhập con đường dân sinh theo quy hoạch ban đầu của Nông trường Cà phê CD là bất hợp pháp vì theo bản đồ gia cư tờ số 02 của nông trường cà phê CD thể hiện có con đường.

Năm 2017 vợ chồng ông S có cho con là Nguyễn Trần Hoài N một phần đất trong diện tích đất nêu trên thì cơ quan Nhà nước đã thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ và cấp lại cho gia đình ông S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 668306 ngày 11/5/2017 đối với thửa đất số 8 (cũ 34); tờ bản đồ số 76 (cũ 29), và cấp cho con trai ông là Nguyễn Trần Hoài N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 602863 ngày 13/7/2017 đối với thửa đất số 100; tờ bản đồ số 76; diện tích 475,1 m².

Phía trước đất của anh N bị gia đình ông T, bà T1 tự ý lấn chiếm coi nới, dùng lưới B40 rào chắn con đường trước, mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền để trồng một số cây cối thành khu đất thuộc vườn của mình, xâm phạm đến lối đi vào đất của anh N.

Đối với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ xác định diện tích tranh chấp trong vụ án là 96,1 m² thì nguyên đơn đồng ý và không có ý kiến gì.

Nay nguyên đơn khởi kiện các vấn đề sau: Yêu cầu ông T, bà T1 trả lại phần đất đường đi chung tự ý lấn chiếm và đang rào chắn bằng lưới B40 một phần con đường trước vườn của Nguyễn Trần Hoài N không nằm trong Sổ đỏ (thửa 35) của gia đình ông T - bà T1. Tổng diện tích lấn chiếm là 96,1 m². Có tứ cận: Phía đông giáp vườn anh N (từ một phần của thửa 34), phía tây giáp vườn ông T (thửa 35), phía đông bắc giáp đất trống, phía bắc giáp con đường đi dài.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T, bà T1 trả lại con đường dân sinh lấn chiếm nguyên thủy theo quy hoạch trước đây của nông trường cà phê CD dài khoảng 50m, rộng 7m đang nằm trong sổ đỏ (thửa 35) cho cộng đồng dân cư thôn A, xã H tiện sử dụng cho mục đích đi lại chung thì nguyên đơn không khởi kiện.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn trình bày:**

Vợ chồng ông T, bà T1 là chủ quản lý, sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 29, diện tích 6177m² tại xã H, huyện C (nay là thành phố B), tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P054392 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/10/1999. Lô đất này được gia đình ông T nhận chuyển nhượng của 03 hộ gồm ông Nguyễn Hồng T2, ông Nguyễn Thanh T3 vào năm 1991 và bà Đậu Thị L1 vào năm 1997.

Thời điểm trước đây thì ông T3 có mở một con đường mòn có chiều ngang 1.5m dài 60m trên đất của ông T3 để các hộ dân thuận tiện trong việc đi lại. Sau khi ông T3, ông T2, bà L1 chuyển nhượng 3 lô đất cho ông T bà T1 thì ông T, bà T1 đã thương lượng với các hộ dân sẽ hiến một phần đất của mình để mở con đường khác và bít con đường trên đất của ông T bà T1 (do ông T3 mở trên đất của ông T3) để các hộ dân đi lại dễ dàng hơn thì các hộ dân đồng ý. Hiện con đường này là lối đi chung và đã được các hộ dân

đóng góp làm đường bê tông. Đến năm 1999 gia đình ông T được cấp GCNQSDĐ đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 29, diện tích 6177m², thửa đất này là thửa đất được hợp từ 03 thửa đất mà gia đình ông T nhận chuyển nhượng. Do đó phần đất được cấp có hình thể thống nhất, không bị chia cắt bởi lối đi nào và gia đình ông T đã sử dụng ổn định, ranh giới không thay đổi từ đó đến nay kể cả phần đất tiếp giáp với ông N mà không có ai ý kiến hay tranh chấp gì.

Ông N cho rằng trước đây Nông trường Cà phê Cư D đã quy hoạch con đường dân sinh làm lối đi chung cho các hộ dân nhưng nay con đường đó đã bị lấp và nằm trong phần diện tích đất mà gia đình ông T được cấp GCNQSDĐ đất nên gia đình ông T phải trả lại là không có căn cứ. Bởi lẽ, bản vẽ của Nông trường Cà phê Cư D chỉ để thể hiện việc chia đất cho công nhân chứ không có giá trị cấp quyền sử dụng đất cũng như quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Ông T bà T1 xác định, bờ ranh giữa đất nhà ông T bà T1 và đất nhà ông N đã có từ xưa tới giờ, và ranh giới này được xác định theo phần GCNQSDĐ đất mà ông T bà T1 được cấp năm 1999 chứ không phải do ông T bà thảo vừa mới thay đổi gần đây. Năm 2017 gia đình ông S tiến hành tách đất cho con là ông N, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N thể hiện phần diện tích tiếp giáp với con đường chỉ là 3.01m². Quá trình làm thủ tục tách thửa đất và cấp giấy tờ ông S và ông N không có ý kiến gì.

Đối với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ xác định diện tích tranh chấp trong vụ án là 96,1m² thì bị đơn đồng ý và không có ý kiến gì. Theo công văn số 164 của UBND xã H về việc trả lời đơn tố cáo của ông S, bà L thì không có con đường công cộng tại vị trí theo nội đơn ông S gửi. Vậy nên, việc ông N khởi kiện cho rằng ông T bà T1 tự ý lấn chiếm phần đất tiếp giáp đường và đất của ông N có diện tích 96,1 m² là không đúng sự thật, không có căn cứ để chấp nhận.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2024/DS-ST, ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 147; 157; 158; 165; 166; 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 245 và Điều 246, 254 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166, 169, 170, 179, 202, 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trần Hoài N về việc yêu cầu bị đơn ông T, bà T1 trả lại phần đất đường đi chung tự ý lấn chiếm và đang rào chắn bằng lưới B40 một phần con đường trước vườn của Nguyễn Trần Hoài N không nằm trong Sổ đỏ (thửa 35) của gia đình ông T, bà T1. Tổng diện tích lấn chiếm là 96,1 m². Có tứ cận: Phía đông giáp vườn anh N (từ một phần của thửa 34), phía tây giáp vườn ông T (thửa 35), phía đông bắc giáp đất trống, phía bắc giáp con đường đi dài. (theo trích đo hiện trạng thửa đất ngày 08/07/2024 của Công ty TNHH Đ).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông S và bà L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên nội dung đã trình bày, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 14/10/1999, hộ ông Nguyễn Văn S được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số O418997 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 29, tại xã H. Ngày 14/10/1999, hộ ông Lê Chí T được cấp GCNQSDĐ số P054392 đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 29, tại xã H. Theo trích lục bản đồ số 29 tại thời điểm cấp GCNQSDĐ đối với hộ ông S và hộ ông T đều không thể hiện con đường đi qua thửa đất của ông T như nguyên đơn trình bày.

Mặc dù nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước thời điểm được cấp GCNQSDĐ, gia đình ông T có nhận chuyển nhượng đất của 03 hộ dân và giữa 03 thửa đất này có con đường mòn dài khoảng 60 giáp đất ông S đến con đường bê tông đi xuống suối. Tuy nhiên, nguồn gốc của lối đi nêu trên do Nông trường cà phê Cư D vẽ sơ đồ sử dụng đất cho công nhân, không phải là căn cứ thể hiện thông tin quản lý hành chính Nhà nước về đất đai.

[2] Năm 2017, ông S làm thủ tục tách một phần thửa đất của mình để tặng cho ông Nguyễn Trần Hoài N, bà Đỗ Thị Hoàng Y. Ngày 13/7/2017 ông N, bà Y được cấp GCNQSDĐ số CI 602862 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 76 tại xã H, thửa đất nằm tiếp giáp với đất ông T và diện tích đất hiện các bên đang tranh chấp. Sơ đồ thửa đất tại GCNQSDĐ số CI 602862 thể hiện mặt tiếp giáp đường của thửa đất số 100 là 3,01m, phần không tiếp giáp đường là 15,66m.

[3] Căn cứ Công văn số 164/CV-UBND, ngày 27/9/2023 về việc “Trả lời đơn của ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L” và công văn 182/CV-UBND, ngày 26/8/2024 của UBND xã H thể hiện nội dung “Qua rà soát, đánh giá quỹ đất của nông trường Cư D sau khi giải thể bàn giao lại cho địa phương quản lý được đo đạc bản đồ giải thửa năm 1999 và bản đồ quy hoạch sử dụng đất của địa phương đến năm 2030 được cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt thì không có quy hoạch con đường công cộng tại vị trí theo nội dung đơn tố cáo của hộ ông Nguyễn Văn S”.

[4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 202/2024/DS-ST, ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Trần Hoài N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004350 ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí đo vẽ kỹ thuật, chi phí thẩm định và định giá tài sản là 10.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị L – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2024/DS-ST, ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 147; 157; 158; 165; 166; 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 245 và Điều 246, 254 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166, 169, 170, 179, 202, 203 Luật Đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trần Hoài N về việc yêu cầu bị đơn ông T, bà T1 trả lại phần đất đường đi chung tự ý lấn chiếm và đang rào chắn bằng lưới B40 một phần con đường trước vườn của Nguyễn Trần Hoài N không nằm trong Sổ đỏ (thửa 35) của gia đình ông T, bà T1. Tổng diện tích lấn chiếm là 96,1 m². Có tứ cận: Phía đông giáp vườn anh N (từ một phần của thửa 34), phía tây giáp vườn ông T (thửa 35), phía đông bắc giáp đất trống, phía bắc giáp con đường đi dài. (Theo trích đo hiện trạng thửa đất ngày 08/07/2024 của Công ty TNHH Đ).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Trần Hoài N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004350, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo Biên lai số AA/2023/0013577, ngày 26/9/2024 và Biên lai số AA/2023/0013576, ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí đo vẽ kỹ thuật, chi phí thẩm định và định giá tài sản là 10.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Thành phố B;
- Chi cục THA Thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận